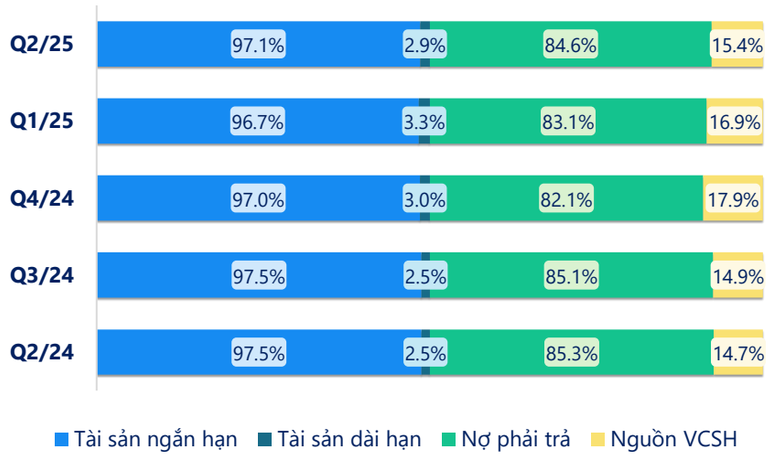
FireAnt

CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
SL cổ phiếu LH	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,320
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	7.0
EPS	2,384

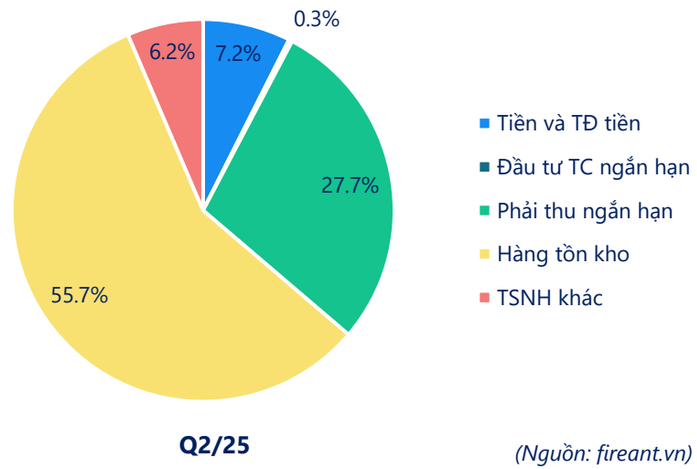
	YTD	1T	3T	6T
SC5	-25.6%	5.0%	-9.7%	-20.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



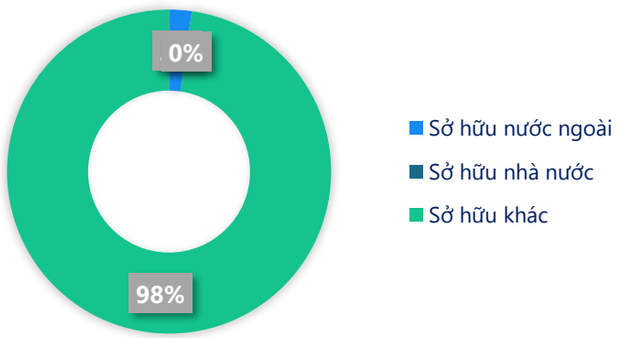
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



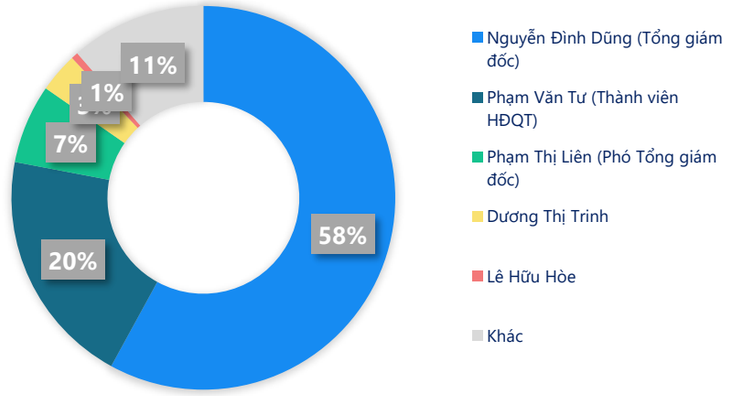
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



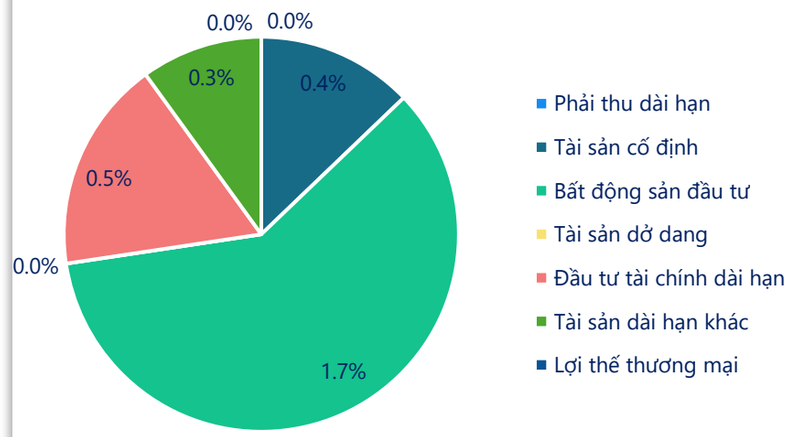
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

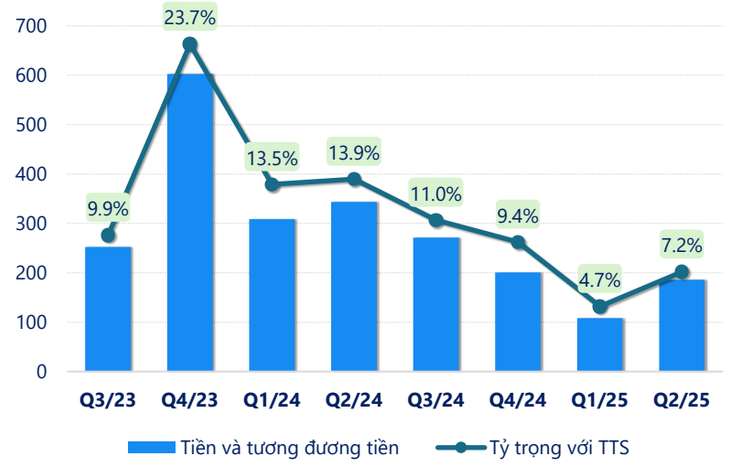


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

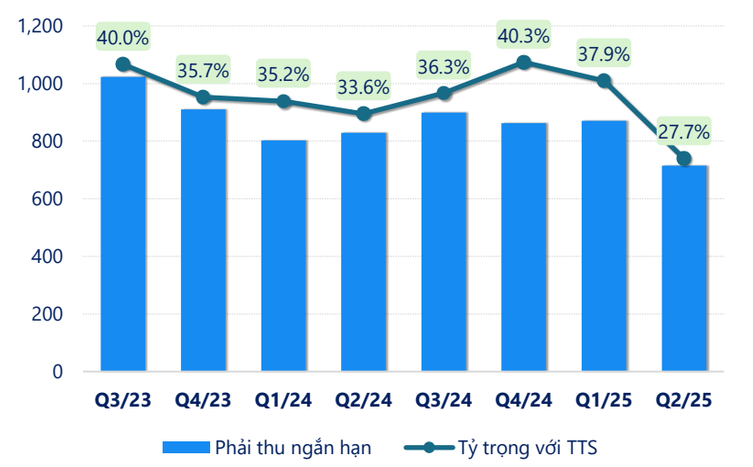
CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Tiền và tương đương tiền



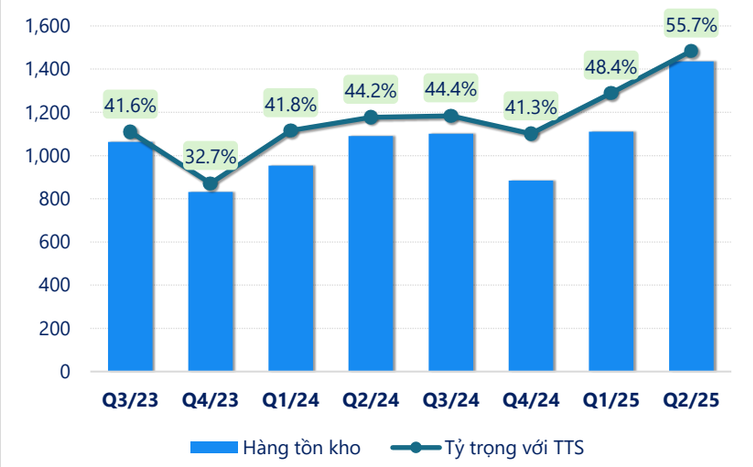
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



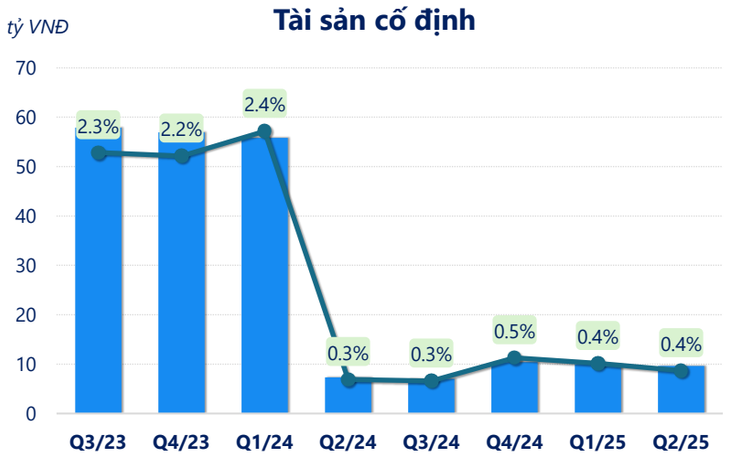
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



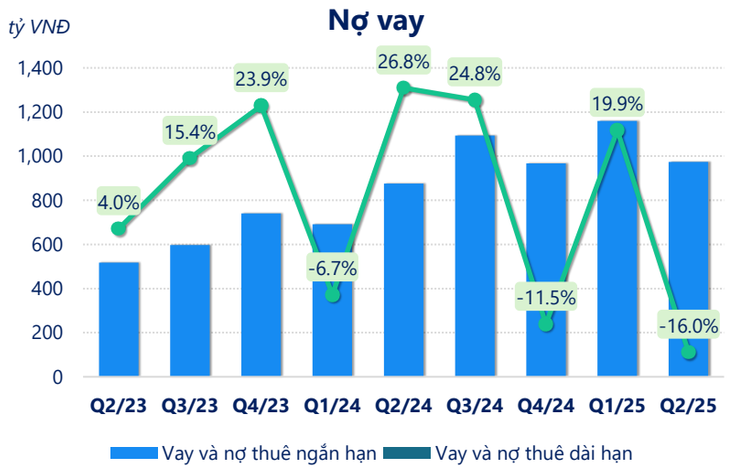
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



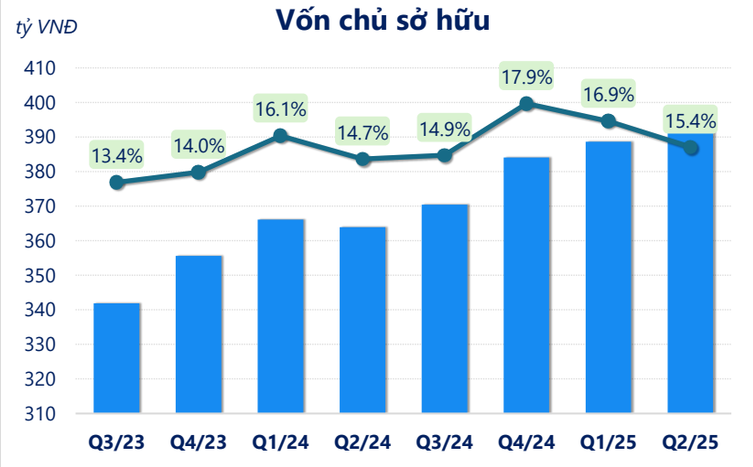
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

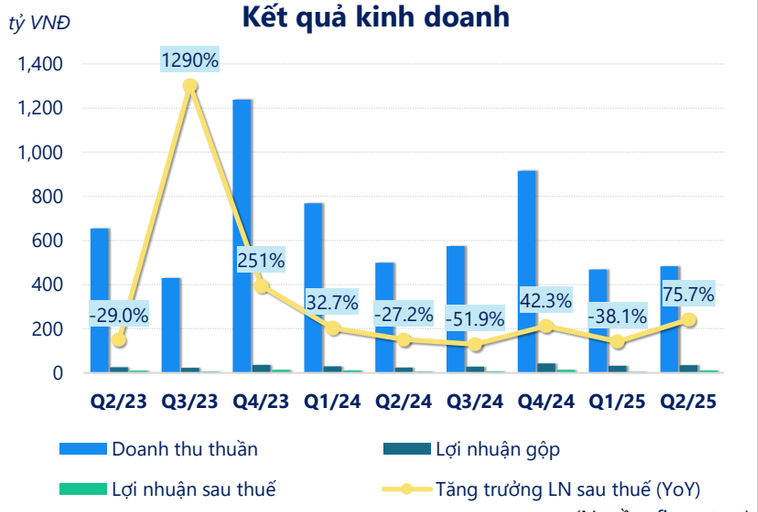


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

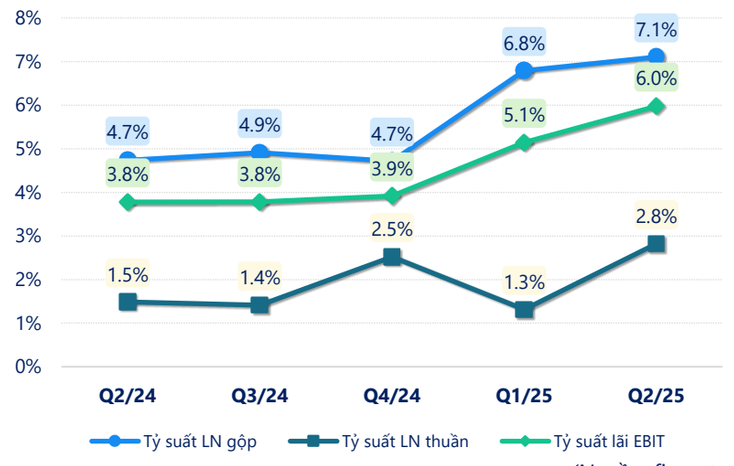
CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Kết quả kinh doanh



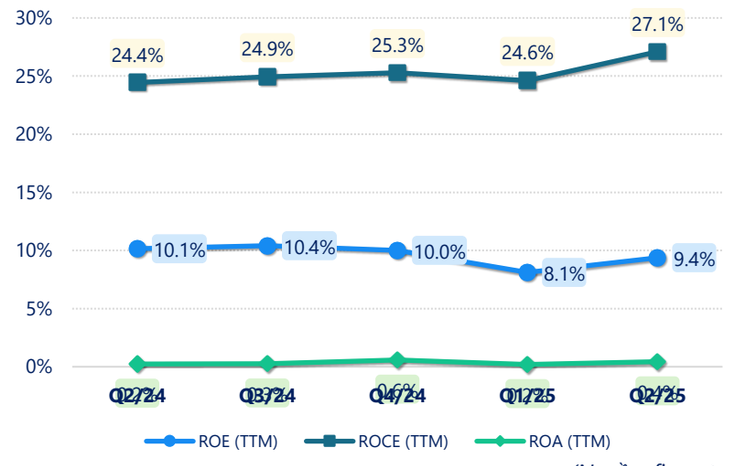
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



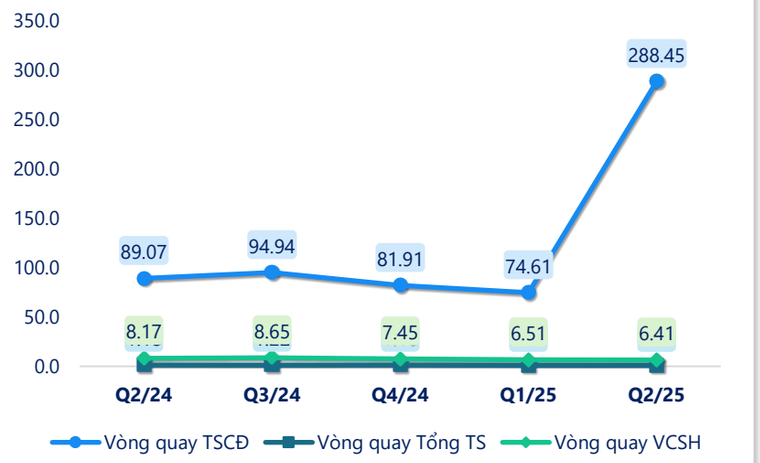
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



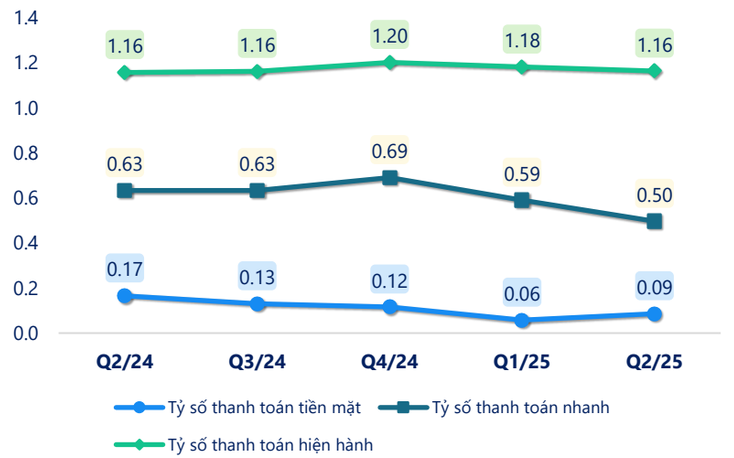
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



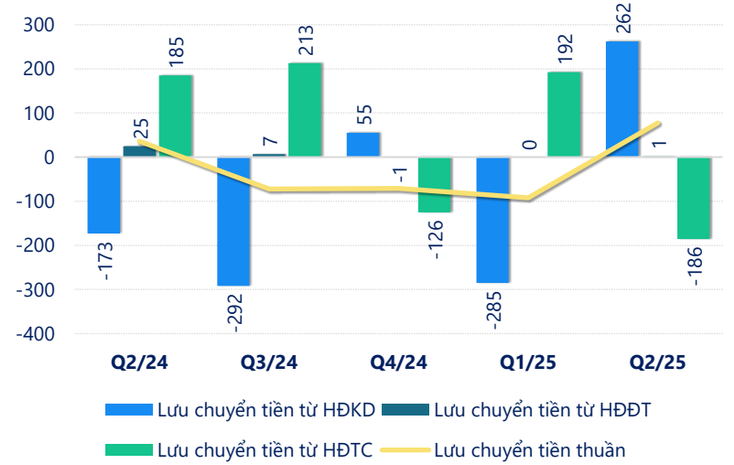
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,580**	**2,141**	**20.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,505	2,063	21.4%
Tiền và tương đương tiền	186	201	-7.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.31	7.31	0.0%
Phải thu ngắn hạn	715	862	-17.1%
Hàng tồn kho	1,436	884	62.4%
Tài sản ngắn hạn khác	161	109	47.8%
Tài sản dài hạn	**74.8**	**78.1**	**-4.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.60	10.4	-7.5%
Bất động sản đầu tư	44.7	46.1	-3.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.46**	**8.54**	**-12.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,182	1,757	24.2%
Nợ ngắn hạn	**2,153**	**1,729**	**24.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	974	967	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	542	489	10.7%
Nợ dài hạn	28.6	28.3	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**398**	**384**	**3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**398**	**384**	**3.6%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	499	574	915	468	483
Giá vốn hàng bán	475	546	872	436	449
Lợi nhuận gộp	23.6	28.2	43.1	31.8	34.3
Doanh thu HĐTC	2.11	1.34	3.11	0.35	1.20
Chi phí TC	11.5	13.6	14.1	17.9	15.2
Chi phí lãi vay	11.5	13.6	14.1	17.9	15.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.17	0.26	0.14	0.07	0.00
Chi phí QLDN	6.71	7.54	8.90	8.00	6.64
LN thuần từ HĐKD	7.41	8.10	23.1	6.15	13.6
Lợi nhuận khác	-0.01	0	-1.39	0.02	0
LN trước thuế	7.40	8.10	21.7	6.16	13.6
Lợi nhuận sau thuế	5.92	6.48	13.7	4.54	11.0
LNST của CĐ cty mẹ	5.92	6.48	13.7	4.54	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-173	-292	55.4	-285	262
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.7	6.66	-0.67	0.35	1.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	185	213	-126	192	-186
Tiền đầu kỳ	308	344	271	201	108
Lưu chuyển tiền thuần	**36.1**	**-72.3**	**-70.8**	**-92.3**	**77.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.82	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	344	271	201	108	186

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic